

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Văn Tuệ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 VND (*Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 14/04/2025 theo Quyết định số 196/QĐ-SGDHCM ngày 04/04/2025 và thuộc diện kiểm soát theo các quyết định số: Quyết định số 194/QĐ-SGDHCM ngày 04/04/2025, Quyết định số 195/QĐ-SGDHCM ngày 04/04/2025, Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và Quyết định số 379/QĐ-SGDHCM ngày 06/5/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch (Thành viên độc lập) (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Đỗ Thanh Khiết	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)
Ông Trần Phi Hoàng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Duy Lợi	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

Số: 318/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 14 tháng 5 năm 2026, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Tổng Công ty thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư tại các Công ty con, Công ty liên kết cho Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO thông qua các hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với tổng giá trị 193 tỷ VND chưa hoàn tất thủ tục pháp lý về chuyển nhượng quyền sở hữu vốn góp và chưa thanh toán đúng hạn theo điều khoản thanh toán. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể đánh giá các giao dịch chuyển nhượng này và khả năng thu hồi của các khoản công nợ phát sinh liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của các giao dịch này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty hay không.

Trong năm, Tổng Công ty thực hiện chuyển nhượng quyền thương hiệu và quyền phát triển Dự án Mỹ Thượng, thành phố Huế với giá trị 150 tỷ VND chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về chuyển nhượng và chưa thanh toán đúng hạn theo điều khoản thanh toán của hợp đồng chuyển nhượng. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ phát sinh liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của các giao dịch này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty hay không.

Trong năm, Tổng Công ty và Công ty con thực hiện việc chuyển giao nghĩa vụ nợ và giá trị dở dang của một số công trình, dự án theo các Hợp đồng chuyển nhượng với Công ty cổ phần Giải pháp Cấu trúc Doanh nghiệp Việt Nam, giá trị chuyển nhượng là 519,6 tỷ VND (trong đó Tổng Công ty là 450,69 tỷ VND, các Công ty con là 68,91 tỷ VND). Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán về tính hiện hữu của các khoản nợ tại thời điểm chuyển nhượng và xác nhận chấp thuận chuyển giao nợ với chủ nợ/bên nợ. Do đó, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của các giao dịch chuyển nhượng này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2025 của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

- Tại Thuyết minh 7.3a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.
- Tại Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Tại ngày 31/12/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 39,55 tỷ VND; số dư nợ gốc và lãi vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 693,48 tỷ VND và 123,51 tỷ VND; đồng thời tại ngày 31/12/2025 khoản lỗ lũy kế là 38,1 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh trên.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+120+130+140+150)	100		1.657.489.876.086	1.563.075.262.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.099.568.208	28.138.394.173
1. Tiền	111		11.084.542.752	19.181.469.561
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.015.025.456	8.956.924.612
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.173.900	9.124.238.654
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.837.952)	(2.470.052)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.123.696.854
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.300.247.206.850	1.004.869.247.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	589.437.448.955	696.752.987.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	64.207.423.802	151.015.401.645
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	12.800.000.000	200.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	648.606.116.858	204.342.624.651
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(14.803.782.765)	(47.441.765.849)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	226.324.864.807	380.302.146.822
1. Hàng tồn kho	141		226.324.864.807	380.304.708.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.561.247)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		114.817.062.321	140.641.234.962
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.262.079.991	102.957.504
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		110.500.435.536	140.252.380.793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	1.054.546.794	285.896.665
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.480.144.819.053	1.617.474.190.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.804.859.144	7.270.859.144
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	7.804.859.144	7.270.859.144
II. Tài sản cố định	220		692.029.657.456	761.644.833.621
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	663.561.063.124	730.198.353.197
- Nguyên giá	222		987.341.903.557	1.042.010.510.532
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(323.780.840.433)	(311.812.157.335)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	28.468.594.332	31.446.480.424
- Nguyên giá	228		33.901.571.212	36.524.143.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.432.976.880)	(5.077.663.424)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	-	102.393.877.459
1. Nguyên giá	231		-	102.393.877.459
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	701.641.127.919	671.987.352.064
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		80.995.015.031	79.857.851.629
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		620.646.112.888	592.129.500.435
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	48.752.105.787	39.687.484.993
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	11.184.577.355
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.608.076.731	30.823.808.160
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.855.970.944)	(2.320.900.522)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.917.068.747	34.489.782.998
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	19.392.697.103	24.451.098.340
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	7.821.551.122	7.183.166.613
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.702.820.522	2.855.518.045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.137.634.695.139	3.180.549.452.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.331.643.967.349	2.448.980.637.595
I. Nợ ngắn hạn	310		1.697.036.812.245	1.867.879.795.897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	319.568.186.373	364.375.026.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	167.777.602.293	188.857.753.060
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	3.939.259.318	12.797.047.349
4. Phải trả người lao động	314		18.597.855.921	24.553.053.737
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	286.403.054.685	195.430.211.032
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.463.059	27.429.345
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	41.536.620.640	47.104.736.342
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	855.989.257.679	1.031.476.122.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.221.512.277	3.258.416.042
II. Nợ dài hạn	330		634.607.155.104	581.100.841.698
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.16	41.008.597.922	27.868.888.025
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.17	8.742.072.242	8.742.072.242
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	584.269.817.970	543.152.312.972
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		586.666.970	1.337.568.459
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		805.990.727.790	731.568.815.032
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	805.990.727.790	731.568.815.032
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.035.198.453	2.035.198.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.773.945.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.901.059.743)	(87.901.059.743)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.128.994.994	15.416.928.247
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.800.358	187.800.358
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(38.095.313.870)	(129.022.227.967)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(103.144.966.152)	125.736.479.681
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		65.049.652.282	(254.758.707.648)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.531.632.455	19.427.590.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.137.634.695.139	3.180.549.452.627
(440 = 300+400)				

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Giang Nam

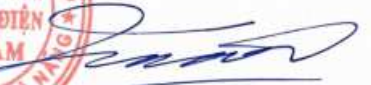
Giám đốc tài chính



Đỗ Thanh Khiết



Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	513.091.188.547	700.626.519.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	513.091.188.547	700.626.519.965
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	451.235.468.837	705.454.227.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		61.855.719.710	(4.827.707.474)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	173.886.589.002	1.346.378.401
7. Chi phí tài chính	22	6.4	151.002.495.167	170.155.473.558
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		142.760.036.131	160.259.266.134
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.688.246.505)	220.895.133
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	240.601.517	420.905.813
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.311.826.136	87.602.568.048
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		76.499.139.387	(261.439.381.359)
12. Thu nhập khác	31	6.6	4.176.102.907	4.848.926.841
13. Chi phí khác	32	6.6	15.596.829.064	2.275.413.183
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(11.420.726.157)	2.573.513.658
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		65.078.413.230	(258.865.867.701)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	799.580.473	1.145.866.905
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(770.819.525)	5.789.534.669
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		65.049.652.282	(265.801.269.275)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		89.141.788.785	(254.758.707.648)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(24.092.136.503)	(11.042.561.627)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.086	(3.105)

Người lập biểu



Nguyễn Giang Nam

Giám đốc tài chính



Đỗ Thanh Khiết

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

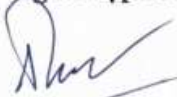
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.078.413.230	(258.865.867.701)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		62.073.253.323	61.457.515.645
- Các khoản dự phòng	03		(28.116.529.827)	30.158.737.526
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.004.214.820	1.374.905.332
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(173.163.584.814)	11.572.537.136
- Chi phí lãi vay	06		142.760.036.131	160.259.266.134
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.635.802.863	5.957.094.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		53.875.274.035	106.757.092.377
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		344.322.190.146	138.997.536.687
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(278.592.361.596)	(140.718.758.879)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.087.314.302	(22.717.104.055)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(42.294.817.472)	(44.217.650.759)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.048.497.261)	(6.259.099.819)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(79.400.000)	(449.358.084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		141.905.505.017	37.349.751.540
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.918.286.419)	(5.576.731.093)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.189.732.000	110.541.292.048
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.008.028.026	18.308.784.190
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.488.013.240	3.126.717.900
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		661.756.314	344.060.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.570.756.839)	126.744.123.874
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		155.301.521.368	316.759.366.456
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(290.675.095.511)	(502.658.004.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(135.373.574.143)	(185.898.638.215)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(12.038.825.965)	(21.804.762.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		28.138.394.173	49.943.041.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	115.201
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	16.099.568.208	28.138.394.173

Người lập biểu



Nguyễn Giang Nam

Giám đốc tài chính



Đỗ Thanh Khiết

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

Chủ tịch HĐQT




Nguyễn Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 VND (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 14/04/2025 theo Quyết định số 196/QĐ-SGDHCM ngày 04/04/2025 và thuộc diện kiểm soát theo các quyết định số: Quyết định số 194/QĐ-SGDHCM ngày 04/04/2025, Quyết định số 195/QĐ-SGDHCM ngày 04/04/2025, Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và Quyết định số 379/QĐ-SGDHCM ngày 06/5/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 137 người (Tại ngày 31/12/2024 là 239 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương	Lô D19 Khu Đô Thị mới Mỹ Thượng, Phường Mỹ Thượng, TP.Huế	Kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2025 gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc (*)	10A15 Đầm Trấu, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội.

(*) Chi nhánh đã tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày 20/7/2024 theo Thông báo số 670 TB/VNECO-TH ngày 12/7/2024 của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4, Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 và Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 39,55 tỷ VND; số dư nợ gốc và lãi vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 693,48 tỷ VND và 123,51 tỷ VND; đồng thời tại ngày 31/12/2025 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế âm 38,1 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và Ban điều hành luôn nỗ lực đảm bảo các kế hoạch này được thực hiện hiệu quả.
- Tổng Công ty vẫn tiếp tục triển khai các hợp đồng xây dựng, các dự án bất động sản và các hoạt động dịch vụ khác để bù đắp được cho hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty... làm tiền đề Tổng Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tới.
- Tổng Công ty đã làm việc với các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 TP.Hồ Chí Minh về lộ trình xử lý và thanh toán các khoản nợ gốc và lãi.
- Tổng Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết để thu hồi vốn đầu tư tại các đơn vị không hiệu quả.

Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Bản quyền, bằng sáng chế khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 4 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;
- Chi phí lãi vay.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu trong năm của Tổng Công ty bao gồm: Doanh thu bán bất động sản, doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê tài sản hoạt động và doanh thu khác.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty nắm giữ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Bán hàng và cung cấp dịch vụ, kinh doanh Bất động sản, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	6.036.029.943	1.529.432.908
Tiền gửi ngân hàng	5.048.512.809	17.652.036.653
Các khoản tương đương tiền	5.015.025.456	8.956.924.612
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	5.015.025.456	8.956.924.612
Tổng	16.099.568.208	28.138.394.173

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 1,8%/năm đến 2,1%/năm.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 5.015.025.546 VND (tại ngày 31/12/2024 là 8.875.701.957 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2. Đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị		Giá gốc	Giá trị	
		hợp lý	Dự phòng		hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	3.011.852	1.173.900	(1.837.952)	3.011.852	541.800	(2.470.052)
Tổng	3.011.852	1.173.900	(1.837.952)	3.011.852	541.800	(2.470.052)

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	9.123.696.854	9.123.696.854
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	9.123.696.854	9.123.696.854
Tổng	-	-	9.123.696.854	9.123.696.854

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	589.437.448.955	696.752.987.290
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	-	187.511.671.722
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	60.610.576.749	45.564.721.307
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	57.181.729.374	71.493.210.728
Công ty TNHH Hưng Long	77.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	175.000.000.000	-
Các đối tượng khác	219.645.142.832	392.183.383.533
Tổng	589.437.448.955	696.752.987.290

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

52.654.615.760

2.163.486.725

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	64.207.423.802	151.015.401.645
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty TNHH xây dựng và thương mại FELIX	-	37.145.333.102
Các đối tượng khác	38.714.401.075	88.377.045.816
Tổng	64.207.423.802	151.015.401.645

*Trong đó:**Trả trước cho người bán là các bên liên quan**10.030.784.778**220.578.939**(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.

5.5. Phải thu về cho vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	12.800.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần VNECO-RME (1)	9.550.000.000	-
Các đối tượng khác	3.250.000.000	200.000.000
Tổng	12.800.000.000	200.000.000

*Trong đó:**Phải thu các bên liên quan**3.050.000.000**-**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

(1) Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/3/2022 với Công ty Cổ phần VNECO-RME và Phụ lục gia hạn hợp đồng; Thời hạn: 12 tháng, tự gia hạn khi hết hạn; Hợp đồng không lãi suất; Tài sản đảm bảo: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	648.606.116.858	(5.219.721.827)	204.342.624.651	(11.774.355.177)
Ký cược, ký quỹ	-	-	528.345.006	-
Tạm ứng	101.172.394.004	(4.671.078.079)	78.255.271.479	-
Phải thu khác	547.433.722.854	(548.643.748)	125.559.008.166	(11.774.355.177)
<i>Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà</i>	-	-	11.490.000.000	(11.490.000.000)
<i>Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE</i>	-	-	61.579.748.641	-
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Cấu trúc Doanh nghiệp Việt Nam (*)</i>	519.605.198.270	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	27.828.524.584	(548.643.748)	52.489.259.525	(284.355.177)
Dài hạn	7.804.859.144	-	7.270.859.144	-
Ký cược, ký quỹ	7.804.859.144	-	7.270.859.144	-
Tổng	656.410.976.002	(5.219.721.827)	211.613.483.795	(11.774.355.177)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>8.361.587.195</i>	<i>-</i>	<i>2.064.497.657</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Giải pháp Cấu trúc Doanh nghiệp Việt Nam về việc chuyển giao nghĩa vụ nợ và giá trị dở dang theo các Hợp đồng chuyển nhượng khoản nợ phải thu và chuyển nhượng khoản giá trị dở dang với tổng giá trị hợp đồng 519,6 tỷ VND. Đến ngày phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty đã thu hồi được 66,7 tỷ VND.

5.7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	14.803.782.765	-	47.527.751.459	85.985.610
Dự phòng phải thu khó đòi	14.803.782.765		47.441.765.849	
	Quá hạn 6 tháng-1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
<i>Trong đó:</i>				
Ban QLDA Các công trình điện miền Nam - Xây lắp đZ 500kV Tân Uyên và đấu nối				3.803.898.217
Công ty TNHH Đạt Vĩnh Tiến				1.500.000.000
Hồ Văn Quang				1.950.380.150
Đối tượng khác				7.549.504.398
Tổng	-	-	-	14.803.782.765

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	460.037.825	-	12.885.515.593	-
Công cụ, dụng cụ	1.534.581.746	-	1.718.034.530	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.928.649.808	-	335.254.463.959	-
- Công trình ĐZ 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	-	-	27.747.837.151	-
- Công trình ĐZ 220kV đấu nối DA Điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện Quốc Gia	79.152.913.618	-	79.152.913.618	-
- Công trình TBA GIS 220kV DA Điện gió Cà Mau 1	28.085.940.778	-	28.085.940.778	-
- Công trình khác	14.689.795.412	-	200.267.772.412	-
Thành phẩm	-	-	2.897.534.359	(2.561.247)
Hàng hóa bất động sản (*)	102.393.877.459	-	-	-
Hàng hóa	7.717.969	-	27.549.159.628	-
Tổng	226.324.864.807	-	380.304.708.069	(2.561.247)

(*) Hàng hóa Bất động sản của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 762005 ngày 11/7/2022 thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 1 tại số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 398,0 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 535958 ngày 18/7/2019 thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 1 tại số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30,4 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2007 thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 1 tại số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 46,8 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2007 thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 1 tại số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 26,17 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2007 thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 1 tại số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 24,7 m², thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giá trị còn lại của Hàng hóa Bất động sản dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 102.393.877.459 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.262.079.991	102.957.504
Công cụ dụng cụ	95.793.147	33.524.569
Chi phí chờ phân bổ	3.166.286.844	69.432.935
Dài hạn	19.392.697.103	24.451.098.340
Công cụ dụng cụ	200.967.281	519.259.716
Chi phí phạt hủy hợp đồng vay trước hạn	18.750.000.000	23.250.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	441.729.822	681.838.624
Tổng	22.654.777.094	24.554.055.844

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	624.213.637.450	303.521.950.512	113.226.637.752	1.048.284.818	-	1.042.010.510.532
Tăng trong năm	1.120.801.011	-	-	-	186.363.636	1.307.164.647
Mua trong năm	1.120.801.011	-	-	-	186.363.636	1.307.164.647
Giảm trong năm	17.769.958.703	27.241.482.489	10.835.065.384	129.265.046	-	55.975.771.622
Thanh lý, nhượng bán	-	400.000.000	71.000.000	-	-	471.000.000
Giảm do thoái vốn Công ty con	17.769.958.703	26.841.482.489	10.764.065.384	129.265.046	-	55.504.771.622
Số dư tại 31/12/2025	607.564.479.758	276.280.468.023	102.391.572.368	919.019.772	186.363.636	987.341.903.557
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	152.047.639.996	116.273.598.112	42.795.036.488	695.882.739	-	311.812.157.335
Tăng trong năm	33.272.305.665	20.348.689.239	8.046.293.793	9.797.024	10.854.146	61.687.939.867
Khấu hao trong năm	33.272.305.665	20.348.689.239	8.046.293.793	9.797.024	10.854.146	61.687.939.867
Giảm trong năm	16.519.625.152	22.519.622.547	10.550.744.024	129.265.046	-	49.719.256.769
Thanh lý, nhượng bán	-	326.666.667	59.250.000	-	-	385.916.667
Giảm do thoái vốn Công ty con	16.519.625.152	22.192.955.880	10.491.494.024	129.265.046	-	49.333.340.102
Số dư tại 31/12/2025	168.800.320.509	114.102.664.804	40.290.586.257	576.414.717	10.854.146	323.780.840.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	472.165.997.454	187.248.352.400	70.431.601.264	352.492.079	-	730.198.353.197
Tại 31/12/2025	438.764.159.249	162.177.803.219	62.100.986.111	342.605.055	175.509.490	663.561.063.124

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 82.752.647.832 VND (tại ngày 31/12/2024 là 79.961.322.933 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 661.883.346.723 VND (tại ngày 31/12/2024 là 710.829.774.576 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2025	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	2.592.572.636	-	30.000.000	2.622.572.636
Thanh lý, nhượng bán	1.335.095.636	-	-	1.335.095.636
Giảm do thoái vốn Công ty con	1.257.477.000	-	30.000.000	1.287.477.000
Số dư tại 31/12/2025	33.302.284.892	50.086.320	549.200.000	33.901.571.212
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2025	4.448.377.104	50.086.320	579.200.000	5.077.663.424
Tăng trong năm	385.313.456	-	-	385.313.456
Khấu hao trong năm	385.313.456	-	-	385.313.456
Giảm trong năm	-	-	30.000.000	30.000.000
Giảm do thoái vốn Công ty con	-	-	30.000.000	30.000.000
Số dư tại 31/12/2025	4.833.690.560	50.086.320	549.200.000	5.432.976.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	31.446.480.424	-	-	31.446.480.424
Tại 31/12/2025	28.468.594.332	-	-	28.468.594.332

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có Giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số số 64 đường Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.892 VND, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại số 5-22 tại phường Tân An, tỉnh Tây Ninh với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161263 ngày 11/3/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 086817 ngày 18/6/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 1074673 ngày 20/7/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân - giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 629.286.320 VND (tại ngày 31/12/2024 là 629.286.320 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 14.443.594.336 VND (tại ngày 31/12/2024 là 16.086.384.790 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	102.393.877.459	-	102.393.877.459	-
Quyền sử dụng đất	100.067.947.467	-	100.067.947.467	-
Cơ sở hạ tầng	2.325.929.992	-	2.325.929.992	-
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	102.393.877.459	-	102.393.877.459	-
Quyền sử dụng đất	100.067.947.467	-	100.067.947.467	-
Cơ sở hạ tầng	2.325.929.992	-	2.325.929.992	-

Bất động sản đầu tư được phân loại sang Hàng tồn kho do Tổng Công ty không còn mục đích đầu tư mà chuyển sang phương án kinh doanh theo Tờ trình của Giám đốc Tài chính về việc phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng các lô đất tại đường Nguyễn Thị Minh Khai ngày 29/12/2025 đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 VND (tại ngày 31/12/2024 là 102.393.877.459 VND).

5.13. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí SXKD dở dang	80.995.015.031	80.995.015.031	79.857.851.629	79.857.851.629
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (i)	80.995.015.031	80.995.015.031	79.857.851.629	79.857.851.629
Chi phí XDCB dở dang	620.646.112.888	620.646.112.888	592.129.500.435	592.129.500.435
Dự án siêu thị Greenmart (ii)	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673
Dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong (iii)	538.083.912.879	538.083.912.879	514.351.990.097	514.351.990.097
Các dự án khác	10.145.348.336	10.145.348.336	5.360.658.665	5.360.658.665
Tổng	701.641.127.919	701.641.127.919	671.987.352.064	671.987.352.064

(i) Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng khu quy hoạch An Vân Dương, phường Phú Mỹ, thành phố Huế; Diện tích dự án: 431.064 m²; Các hạng mục chính bao gồm: san nền, giao thông và tổ chức giao thông; thoát nước thải; thoát nước mặt; cấp nước; cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng; công viên, cây xanh; rà phá bom mìn, đền bù giải tỏa và một số hạng mục khác; Tổng mức đầu tư dự án theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND TP Huế) về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả đấu thầu Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng là 231,825 tỷ VND.

(ii) Dự án Khu siêu thị Xanh Đà Nẵng - Green Mart tại số 66 Hoàng Văn Thái, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng; Bao gồm hạng mục khối siêu thị 04 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 15.594 m². Đến thời điểm 31/12/2024, dự án chưa hoàn thiện, tạm ngưng triển khai do chưa hoàn thành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định. Dự án hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Tài sản dở dang dài hạn (Tiếp theo)

- (iii) Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong có địa điểm tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam (nay là xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng). Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000375 chứng nhận lần đầu ngày 14/5/2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 14/2/2015; cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư số 0257076248 thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2021. Dự án có tổng công suất là 32MW với tổng vốn đầu tư là 1.499 tỷ VND. Dự án đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 24404/21MN/HĐBĐ ngày 11/8/2021. Ngày 26/10/2023, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã bán khoản nợ này cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo Hợp đồng mua bán nợ số 12529/23MN.HĐMBN ngày 26/10/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tỷ lệ	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
5.14 Đầu tư tài chính				
a. Đầu tư vào Công ty liên kết				
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10			4.703.750.000	11.184.577.355
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3			4.703.750.000	7.329.166.778
			-	3.855.410.577
Tổng			4.703.750.000	11.184.577.355

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư dài hạn khác	51.608.076.731	(2.855.970.944)	30.823.808.160	(2.320.900.522)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i) (*)	1.839.420.000	(257.518.800)	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (**)	310.868.571	(246.646.571)	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)	179.472	68.000	179.472	179.472
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (i)	916.740	178.200	916.740	916.740
- Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)	1.913.808	478.400	1.913.808	1.913.808
- Công ty Cổ phần Sông Ba (i)	48.140	208.250	48.140	48.140
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO	30.820.000.000	(ii) (2.351.805.573)	30.820.000.000	(ii) (2.320.900.522)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)	750.000	750.000	750.000	750.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO (**)	18.633.980.000	(ii)	-	-
Tổng	51.608.076.731	(2.855.970.944)	30.823.808.160	(2.320.900.522)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- (*) Tổng Công ty thực hiện góp vốn bằng 80.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 vào Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO theo Quyết định số 30A/VNECO-HĐQT về phê duyệt phương án xử lý các khoản đầu tư tại các Công ty con, liên kết. Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 thực hiện tăng vốn điều lệ lên 34 tỷ VND. Do đó, tỷ lệ vốn của Tổng Công ty đầu tư tại VNECO3 còn lại là 5,41% và VNECO3 không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.
- (**) Tổng Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO theo biên bản định giá góp vốn tài sản giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO ngày 26/12/2025 với giá trị định giá là 18.633.980.000 VND tương ứng 18,63% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO trong đó bao gồm 974.698 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO8 (mã UPCOM: VE8) giá trị 9.746.980.000 VND, 788.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12 (mã UPCOM: VE12) giá trị 7.887.000.000 VND và 80.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (mã HNX: VE3) giá trị 1.000.000.000 VND.
- Số lượng Cổ phiếu Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 ngày 31/12/2025 là 32.111 cổ phiếu.
- (i) Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	7.821.551.122	7.183.166.613
Tổng	7.821.551.122	7.183.166.613

5.16. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	319.568.186.373	319.568.186.373	364.375.026.990	364.375.026.990
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	-	-	10.393.282.882	10.393.282.882
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Golden House	18.717.471.231	18.717.471.231	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	11.789.742	11.789.742	4.390.910.483	4.390.910.483
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	24.112.345.669	24.112.345.669	59.651.963.608	59.651.963.608
Công ty Cổ phần Ecoplastics Solutions	-	-	1.456.254.708	1.456.254.708
Các đối tượng khác	272.013.961.308	272.013.961.308	283.769.996.886	283.769.996.886
Dài hạn	41.008.597.922	41.008.597.922	27.868.888.025	27.868.888.025
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	38.262.170.907	38.262.170.907	27.868.888.025	27.868.888.025
Các đối tượng khác	2.746.427.015	2.746.427.015	-	-
Tổng	360.576.784.295	360.576.784.295	392.243.915.015	392.243.915.015
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>34.369.241.556</i>	<i>34.369.241.556</i>	<i>22.843.280.182</i>	<i>22.843.280.182</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	167.777.602.293	188.857.753.060
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển	99.820.774.248	99.820.774.248
Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	12.000.413.426	22.899.163.489
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	11.200.000.000	-
Ông Trần Văn Trận	44.756.414.619	66.137.815.323
Các đối tượng khác		
Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	176.519.674.535	197.599.825.302

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

6.200.000.000

7.102.161.649

5.18. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Phải nộp	12.797.047.349	865.513.440	9.723.301.471	3.939.259.318
Thuế giá trị gia tăng	2.650.554.425	753.064.584	2.640.762.539	762.856.470
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.914.468.836	(786.027.569)	6.006.471.095	3.121.970.172
Thuế thu nhập cá nhân	217.810.550	304.262.049	467.639.923	54.432.676
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	387.831.149	387.831.149	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.213.538	206.383.227	220.596.765	-
Phải thu	285.896.665	112.511.234	881.161.363	1.054.546.794
Thuế giá trị gia tăng	122.082.099	112.511.234	-	9.570.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.042.026.166	1.042.026.166
Thuế thu nhập cá nhân	58.931.641	-	(56.121.602)	2.810.039
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	104.882.925	-	(104.743.201)	139.724

5.19. Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	286.403.054.685	195.430.211.032
Lãi vay phải trả	242.845.437.272	138.735.083.719
Trích trước chi phí công trình	41.282.373.938	32.798.138.743
Chi phí phải trả khác	2.275.243.475	23.896.988.570
Tổng	286.403.054.685	195.430.211.032

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	41.536.620.640	47.104.736.342
Kinh phí công đoàn	1.137.899.057	1.491.368.610
Bảo hiểm xã hội	807.532.834	3.918.356.186
Bảo hiểm y tế	927.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	412.000	-
Cổ tức phải trả	993.867.100	996.218.125
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.595.982.649	40.698.793.421
<i>Ông Phạm Đỗ Minh Triết</i>	<i>1.760.508.283</i>	<i>1.060.000.000</i>
<i>Lãi vay, lãi chậm thanh toán</i>	<i>15.429.166.947</i>	<i>18.373.793.558</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>21.406.307.419</i>	<i>21.264.999.863</i>
Tổng	41.536.620.640	47.104.736.342
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.836.254.046</i>	<i>1.060.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2025				31/12/2025			
	Phát sinh trong năm				Số có khả năng trả nợ			
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	Giá trị	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	657.139.959.262	155.500.736.188	290.110.990.940	791.750.214.014	791.750.214.014			791.750.214.014
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	276.186.817.004	16.275.409.256	31.157.883.978	291.069.291.726	291.069.291.726			291.069.291.726
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	75.000.441.239	-	544.695.731	75.545.136.970	75.545.136.970			75.545.136.970
Các đối tượng khác	176.251.014.669	17.885.700.269	-	158.365.314.400	158.365.314.400			158.365.314.400
Nợ dài hạn đến hạn trả								
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	129.701.686.350	121.339.626.663	258.408.411.231	266.770.470.918	266.770.470.918			266.770.470.918
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (5)	198.849.298.417	-	40.876.609.569	239.725.907.986	239.725.907.986			239.725.907.986
Các đối tượng khác	123.598.298.417	-	282.000.000	123.880.298.417	123.880.298.417			123.880.298.417
Vay dài hạn								
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (5)	75.251.000.000	-	40.552.472.868	115.803.472.868	115.803.472.868			115.803.472.868
Các đối tượng khác	-	-	42.136.701	42.136.701	42.136.701			42.136.701
Tổng	1.440.259.075.649	196.858.209.056	331.227.568.379	1.574.628.434.972	1.574.628.434.972			1.574.628.434.972
Trong đó:								
Vay các bên liên quan	18.692.191.787	8.758.029.720	4.754.999.998	9.671.499.998	9.671.499.998			9.671.499.998

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Số dư vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2025 như sau:

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	693.478.142.099	123.506.073.249	133.802.802.852	15.575.815.298
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	10.373.563.152	2.778.901.759	10.485.378.868	1.129.750.043
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	75.000.441.239	13.577.268.042	62.676.498.060	2.687.387.054
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân	399.785.115.421	37.800.169.424	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh	176.251.014.669	49.123.914.515	-	-
Vetotrade Management Limited Company	32.068.007.618	20.225.819.509	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	24.610.136.701	5.701.522.839
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	28.449.619.599	5.810.314.470
Công ty Cổ phần MALBLUE	-	-	983.669.624	125.008.015
Các đối tượng cá nhân khác	-	-	6.597.500.000	121.832.877
Tổng	693.478.142.099	123.506.073.249	133.802.802.852	15.575.815.298

- (1) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/242753/HĐTD ngày 22/12/2023; Hạn mức tín dụng: 691.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2024; Lãi suất: được xác định trong từng trường hợp cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng..
- (2) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1498-01 ngày 30/11/2023; Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động (cho vay, phát hành bảo lãnh, LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Biện pháp bảo đảm: Quyền đòi nợ từ các hợp đồng đầu ra, cầm cố, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B C 3 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (3) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023; Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023; Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Đảm bảo tiền vay theo các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể sau:
- Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBB/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/HĐBB/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 VND và 4.095.000.000 VND;
 - Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBB/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 VND;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBB/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 VND;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2022/HĐBB/NHCT908-VNE ngày 19/07/2022 và Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2022/HĐBB/NHCT908-VNE ngày 14/10/2022.
- (4) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020: Số tiền vay: 4.800.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.
 - Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020: Số tiền vay: 19.700.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư dự án 'Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất'.
 - Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020: Số tiền vay: 5.500.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng số 01/2021/242753/HHTD ngày 08/02/2021: Số tiền vay: 175.000.000.000 VND; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cấp tín dụng đầu tiên; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung. Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

(5) Theo Hợp đồng mua bán nợ số 12529/23MN.HEMB N “Về: Mua bán khoản nợ tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1” ngày 26/10/2023 với tổng dư nợ gốc tại thời điểm mua bán là 651.390.023.387 VND. Mục đích vay: Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: Trả nợ tối đa 78 tháng kể từ ngày ký hợp đồng mua bán; Lãi suất vay: Lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất cho thời hạn trả nợ trên 60 tháng được công bố từng thời kỳ cụ thể; Hình thức đảm bảo tiền vay: Các tài sản đảm bảo theo được chi tiết như sau:

- Toàn bộ dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong” công suất 30,4MW tại xã Hòa Thắng, xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình và phường Mũi né, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền sử dụng đất/quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản hình thành trong tương lai là CTXD trên đất và toàn bộ MMTB (bao gồm hệ thống trạm biến áp, đường dây đầu tư, dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong”; Toàn bộ quyền tài sản và các quyền lợi, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển và khai thác dự án “Nhà máy điện gió Thuận nhiên Phong”
- Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);
- Toàn bộ phần vốn góp (Tối thiểu 440 tỷ VND, tương đương 100% vốn góp) tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1;
- Cổ phiếu (Chấp nhận cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa 8,3 triệu cổ phiếu) của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
- Tiền gửi theo Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi mở tại HD Bank.

Phụ lục số 03 ngày 18/1/2026 của Văn bản thỏa thuận ngày 09/10/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch thu nợ và kế hoạch giải chấp tài sản đối với Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong 1 giữa 3 bên Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong 1 và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cụ thể thời gian cơ cấu và thu nợ là 106 tháng kể từ ngày DATC nhận chuyển giao quyền chủ nợ. Lãi suất áp dụng cho kỳ hạn 60 tháng được DATC công bố từng thời kỳ, nhưng tối thiểu không thấp hơn 10%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.22. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng	
Số dư tại 01/01/2024	904.329.530.000	2.039.888.383	7.095.055.143	(87.627.513.743)	16.763.832.141	187.800.358	124.543.299.726	39.253.756.591	1.006.585.648.599	
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(254.758.707.648)	(11.042.561.627)	(265.801.269.275)	
Thoái vốn Công ty con	-	(4.689.930)	-	-	(1.346.903.894)	-	1.351.593.824	(8.990.087.080)	(8.990.087.080)	
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	(273.546.000)	-	-	(158.413.869)	206.482.657	(225.477.212)	
Số dư tại 31/12/2024	904.329.530.000	2.035.198.453	7.095.055.143	(87.901.059.743)	15.416.928.247	187.800.358	(129.022.227.967)	19.427.590.541	731.568.815.032	
Số dư tại 01/01/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	7.095.055.143	(87.901.059.743)	15.416.928.247	187.800.358	(129.022.227.967)	19.427.590.541	731.568.815.032	
Thoái vốn Công ty con	-	-	(321.110.000)	-	(1.287.933.253)	-	2.139.336.099	9.196.178.417	9.726.471.263	
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	89.141.788.785	(24.092.136.503)	65.049.652.282	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (*)	-	-	-	-	-	-	(354.210.787)	-	(354.210.787)	
Số dư tại 31/12/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	6.773.945.143	(87.901.059.743)	14.128.994.994	187.800.358	(38.095.313.870)	4.531.632.455	805.990.727.790	

(*) Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2025 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 08/12/2025 về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi 354.210.787 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	820.552.330.000	820.552.330.000
Cổ phiếu quỹ	83.777.200.000	83.777.200.000
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.22. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	904.329.530.000	904.329.530.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.377.720	8.377.720
Cổ phiếu phổ thông	8.377.720	8.377.720
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.055.233	82.055.233
Cổ phiếu phổ thông	82.055.233	82.055.233
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.23. Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a. Ngoại tệ**

Ngoại tệ các loại	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
USD	27,63	715.893	34,23	874.611
Tổng	27,63	715.893	34,23	874.611

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xử lý	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	2021	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	2021	32.027.715.546	32.027.715.546
Các đối tượng khác	2021	8.894.601.607	8.890.162.851
Tổng		107.443.175.486	107.438.736.730

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán điện	96.879.219.196	97.329.860.708
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	54.722.154.570	55.669.338.054
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	108.489.113.597
Doanh thu hoạt động xây dựng	210.005.692.832	438.570.408.818
Doanh thu chuyển nhượng quyền phát triển dự án	150.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động khác	1.484.121.949	567.798.788
Tổng	513.091.188.547	700.626.519.965
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>43.256.981.480</i>	<i>1.694.844.864</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn sản xuất điện	45.418.419.757	47.280.116.266
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	53.585.341.338	46.797.164.879
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	124.372.514.809
Giá vốn hoạt động xây dựng	350.516.118.194	486.301.855.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.177.144.669	-
Giá vốn hoạt động khác	538.444.879	702.576.012
Tổng	451.235.468.837	705.454.227.439

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	661.766.814	947.389.931
Lãi bán các khoản đầu tư	173.224.799.400	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.500	30.800
Lãi phạt thanh toán chậm, chiết khấu thanh toán	-	215.609.739
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	2.401.072
Doanh thu tài chính khác	12.288	180.946.859
Tổng	173.886.589.002	1.346.378.401
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>110.933.938</i>	<i>121.492.450</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	142.760.036.131	160.259.266.134
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	1.971.331.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.004.214.820	1.374.905.332
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	535.070.422	30.100
Chi phí tài chính khác	6.703.173.794	6.549.940.060
Tổng	151.002.495.167	170.155.473.558
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>2.083.849.654</i>	<i>-</i>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	240.601.517	420.905.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.601.517	420.905.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.311.826.136	87.602.568.048
Chi phí nhân viên quản lý	15.335.289.464	25.757.483.792
Chi phí vật liệu quản lý	450.000	245.847.730
Chi phí đồ dùng văn phòng	357.262.113	1.488.677.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.054.990.283	16.506.412.968
Thuế phí và lệ phí	768.335.330	3.186.595.965
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng	(29.368.727.684)	31.651.540.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.100.519.094	2.415.655.162
Chi phí bằng tiền khác	5.063.707.536	6.350.353.859
Tổng	6.552.427.653	88.023.473.861

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán vật tư	1.133.575.000	-
Xử lý chênh lệch công nợ	851.200.562	1.963.514.986
Thanh lý tài sản cố định	1.233.820.660	1.568.038.722
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	619.662.197	199.930.514
Thu nhập khác	337.844.488	1.117.442.619
Tổng	4.176.102.907	4.848.926.841
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm	1.648.854.761	1.472.215.583
Chi phí thanh lý tài sản cố định	268.566.055	454.158.578
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	1.133.575.000	-
Phí bảo lãnh công trình	8.417.630.000	-
Chi phí thanh lý hợp đồng	3.502.830.547	-
Chi phí khác	625.372.701	349.039.022
Tổng	15.596.829.064	2.275.413.183
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(11.420.726.157)	2.573.513.658
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập khác với các bên liên quan:</i>	-	<i>190.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	799.580.473	1.145.866.905
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	799.580.473	1.145.866.905

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(770.819.525)	5.789.534.669
Tổng	(770.819.525)	5.789.534.669

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89.141.788.785	(254.758.707.648)
Công ty mẹ		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	89.141.788.785	(254.758.707.648)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm(cổ phiếu)	82.055.233	82.055.233
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.086	(3.105)

Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao HĐQT, BKS. Nếu Tổng Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thù lao HĐQT, BKS cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.451.853.188	68.105.175.303
Chi phí nhân công	47.005.953.998	46.594.381.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.073.253.322	61.457.515.645
Chi phí dự phòng	(28.116.529.827)	32.381.775.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.293.405.583	243.232.570.470
Chi phí khác bằng tiền	16.062.696.944	39.564.841.045
Tổng	303.770.633.208	491.336.258.708

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng Lượng Vneco	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Vneco Miền Trung	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH TMDV Đầu tư và Phát triển năng lượng sạch Châu Á	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương, thù lao	2.338.174.555	2.364.000.000
Tiền lương của Ban Điều hành và người quản lý khác	Lương, thưởng	3.384.942.713	3.362.195.844

Trong đó:

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	840.000.000	840.000.000
Bà Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)	448.696.000	480.000.000
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch HĐQT	480.000.000	480.000.000
Ông Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)	78.522.000	84.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đỗ Thanh Khiết	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)	5.478.000	-
Ông Trần Phi Hoàng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)	5.478.000	-
Tổng		1.942.174.000	1.968.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Duy Lợi	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)	19.565.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)	280.435.555	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 08/12/2025)	3.130.000	-
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 08/12/2025)	44.870.000	48.000.000
Tổng		396.000.555	396.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban điều hành và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	834.290.034	820.830.145
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	470.906.605	494.033.917
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	484.801.437	470.318.382
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	470.326.950	493.995.640
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	470.125.870	492.906.735
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	120.000.000
Ông Đỗ Thanh Khiết	Giám đốc tài chính	54.000.000	-
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	480.491.817	470.111.025
Tổng		3.384.942.713	3.362.195.844

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Bán hàng			43.256.981.480	1.694.844.864
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	Bán hàng, Xây lắp	35.001.481.482	1.694.844.864
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	Cung cấp dịch vụ	8.253.999.999	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể	Cung cấp dịch vụ	1.499.999	-
Mua hàng			(560.742.108)	14.090.480.780
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	Giá trị xây lắp hoàn thành	(3.762.195.014)	13.658.104.780
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	Giá trị xây lắp hoàn thành	1.443.484.836	(*)
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Ảnh hưởng đáng kể	Giá trị xây lắp hoàn thành	1.385.968.070	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể	Giá trị xây lắp hoàn thành	372.000.000	432.376.000
Lãi cho vay			110.933.938	121.492.450
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	27.429.347	121.492.450
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể	Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	31.369.819	(*)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	Lãi cho vay	52.134.772	(*)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi vay			2.083.849.654	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	Lãi vay	232.854.515	(*)
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Ảnh hưởng đáng kể	Lãi vay	696.277.397	-
Ông Đỗ Ngọc Long	Ảnh hưởng đáng kể	Lãi vay	1.154.717.742	-
Vay			8.758.029.720	9.621.499.998
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Vay tiền	-	3.254.999.998
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	-	145.500.000
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Vay tiền	535.000.000	4.121.000.000
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	8.223.029.720	2.100.000.000
Trả tiền vay			4.754.999.998	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền vay	3.254.999.998	-
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Trả tiền vay	1.500.000.000	-
Thu nhập khác			-	190.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể	Thanh lý TSCĐ	-	190.000.000
Giao dịch khác			-	749.999.999
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	-	749.999.999

(*) Kể từ ngày 26/12/2025, Các đối tượng không còn là Công ty con của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày số liệu giao dịch với các đối tượng này trong năm 2024 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 (Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng		52.654.615.760	2.163.486.725
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể	420.486.790	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	320.529.006	(*)
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Ảnh hưởng đáng kể	147.101.279	(*)
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	7.698.375.366	(*)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	8.914.320.000	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	35.153.803.319	2.163.486.725
Trả trước cho người bán		10.030.784.778	220.578.939
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể	3.029.829.107	(*)
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	6.780.376.732	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	Ảnh hưởng đáng kể	220.578.939	220.578.939
Phải thu khác		8.361.587.195	2.064.497.657
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể	2.667.252.874	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	232.572.888	(*)
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Ảnh hưởng đáng kể	433.433.964	(*)
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Ảnh hưởng đáng kể	3.154.572.339	(*)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	1.869.234.582	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể	4.520.548	4.520.548
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	-	2.059.977.109
Phải thu về cho vay		3.050.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	100.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	2.950.000.000	(*)

(*) Các đối tượng không còn là Công ty con của Tổng Công ty trong năm 2025, do đó Tổng Công ty không trình bày số dư với các đối tượng này tài ngày 01/01/2025 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 (Trình bày lại) VND
Phải trả người bán		34.369.241.556	22.843.280.182
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể	42.160.000	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	17.090.911.326	(*)
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Ảnh hưởng đáng kể	1.368.458.049	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể	4.943.571.419	4.279.562.511
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Ảnh hưởng đáng kể	2.746.427.015	(*)
Công ty Cổ phần Malblue	Ảnh hưởng đáng kể	(**)	7.810.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	Ảnh hưởng đáng kể	4.722.597	2.561.221.773
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	8.172.991.150	15.994.685.898
Người mua trả tiền trước		6.200.000.000	7.102.161.649
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể	-	802.161.649
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể	-	100.000.000
Công ty TNHH TMDV Đầu tư và Phát triển năng lượng sạch Châu Á	Ảnh hưởng đáng kể	6.200.000.000	6.200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính		18.692.191.787	9.671.499.998
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	2.217.662.067	(*)
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Ảnh hưởng đáng kể	2.800.000.000	(*)
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	195.500.000	195.500.000
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	3.156.000.000	4.121.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	3.254.999.998
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	10.323.029.720	2.100.000.000
Phải trả khác		3.836.254.046	1.060.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể	921.028.021	(*)
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	1.154.717.742	-
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	1.760.508.283	1.060.000.000

(*) Các đối tượng không còn là Công ty con của Tổng Công ty trong năm 2025, do đó Tổng Công ty không trình bày số dư với các đối tượng này tại ngày 01/01/2025 trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

(**) Đối tượng không còn là bên liên quan của Tổng Công ty trong năm 2025, do đó Tổng Công ty không trình bày số dư với đối tượng này tại ngày 31/12/2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BDS	Khác	Tổng
DOANH THU						
Doanh thu thuần	96.879.219.196	54.722.154.570	210.005.692.832	-	151.484.121.949	513.091.188.547
Giá vốn	(45.418.419.757)	(53.585.341.338)	(351.693.262.863)	-	(538.444.879)	(451.235.468.837)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.460.799.439	1.136.813.232	(141.687.570.031)	-	150.945.677.070	61.855.719.710
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	51.460.799.439	1.136.813.232	(141.687.570.031)	-	150.945.677.070	61.855.719.710
Doanh thu hoạt động tài chính						173.886.589.002
Chi phí tài chính						(151.002.495.167)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết						(1.688.246.505)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng						(6.552.427.653)
Lợi nhuận khác						(11.420.726.157)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(799.580.473)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						770.819.525
Lợi nhuận trong năm						65.049.652.282

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
DOANH THU						
Doanh thu	97.329.860.708	55.669.338.054	438.570.408.818	108.489.113.597	567.798.788	700.626.519.965
Giá vốn	(47.280.116.266)	(46.797.164.879)	(486.301.855.473)	(124.372.514.809)	(702.576.012)	(705.454.227.439)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.049.744.442	8.872.173.175	(47.731.446.655)	(15.883.401.212)	(134.777.224)	(4.827.707.474)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	50.049.744.442	8.872.173.175	(47.731.446.655)	(15.883.401.212)	(134.777.224)	(4.827.707.474)
Doanh thu hoạt động tài chính						1.346.378.401
Chi phí tài chính						(170.155.473.558)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết						220.895.133
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng						(88.023.473.861)
Lợi nhuận khác						2.573.513.658
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(1.145.866.905)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						(5.789.534.669)
Lợi nhuận trong năm						(265.801.269.275)

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 31/12/2025 như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản phân bổ	1.202.271.665.402	-	350.013.354.291	290.581.861.734	371.287.731.372	2.214.154.612.799
Tài sản không phân bổ						923.480.082.340
Tổng tài sản						3.137.634.695.139
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả phân bổ	709.499.088.144	-	914.513.892.001	202.415.238.035	114.899.369.601	1.941.327.587.781
Nợ phải trả không thể phân bổ						390.316.379.568
Tổng nợ phải trả						2.331.643.967.349

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 01/01/2025 như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản phân bổ	1.106.990.019.617	78.655.473.998	500.110.270.845	290.790.890.984	344.204.540.868	2.320.751.196.312
Tài sản không thể phân bổ						859.798.256.315
Tổng tài sản						3.180.549.452.627
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả phân bổ	678.087.398.900	66.868.419.386	916.077.074.842	201.286.124.690	99.188.630.223	1.961.507.648.041
Nợ phải trả không thể phân bổ						487.472.989.554
Tổng nợ phải trả						2.448.980.637.595



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin khác

a. Thông tin về các vụ kiện

- Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 VND bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 VND (gồm 310.000.000.000 VND tiền gốc và 90.000.000.000 VND tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 VND nói trên.

- Theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 VND trong 400.000.000.000 VND mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 VND nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/2/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

b. Phương án tăng vốn điều lệ

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2025 đã thống nhất thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 23TTr/VNECO-HĐQT ngày 04/12/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty: số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 30.000.000 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến 300.000.000.000 VND và thời gian dự kiến chào bán theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Tại ngày phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu.

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Nguyễn Giang Nam

Giám đốc tài chính

Đỗ Thanh Khiết

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 5 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn